

Đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 2 năm 2019 - 2020 - Đề 11

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: Chiếc bút mực (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 40).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.

- Trả lời câu hỏi: Trong truyện có mấy nhân vật? Họ là ai?

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Cái trống trường em (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 45).

- Làm bài tập: Chọn câu trả lời đúng:

1. Bạn học sinh xưng hô, trò chuyện như thế nào với cái trống?

a. Gọi tên, xưng hô và trò chuyện thân mật.

b. Xưng hô trò chuyện không thân mật.

c. Xem trống như một đồ vật không bỏ ích.

d. Xem trống như món ăn tinh thần.

2. Tìm hai từ chỉ hoạt động của cái trống:

a. Mừng vui, lặng im.

b. Ngâm nghĩ, gọi.

c. Nghiêng, vui.

d. Buồn, vang.

3. Tìm hai từ chỉ người có trong bài thơ:

a. Trống, em.

b. Trường, gió.

c. Mình, chúng em.

d. Giọng, bọn.

4. Vì sao các bạn học trò rất yêu quý cái trống trường

- a. Trống gắn bó với các bạn.
- b. Trống là vật sử dụng có ích trong nhà trường.
- c. Trống là tài sản của nhà trường.
- d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Nghe – viết): (5 điểm)

Bài viết: Cái trống trường em (Hai khổ thơ đầu)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Viết đoạn văn từ 3 đến 5 câu giới thiệu về trường em hoặc làng (xóm, bản, ấp, buôn, sóc, phố) của em.

Đáp án đề thi học kì 1 lớp 2 Tiếng Việt đề số 11

A. Kiểm tra đọc:

I. Đọc thành tiếng:

Trả lời câu hỏi:

Truyện có 3 nhân vật là Mai, Lan và cô giáo.

II. Đọc hiểu:

- 1. Bạn học sinh xưng hô với cái trống là bạn - mình, trò chuyện với cái trống trường như người bạn thân: buồn không hả trống? bọn mình đi vắng... => Đáp án a: Gọi tên, xưng hô và trò chuyện thân mật.
- 2. Hai từ chỉ hoạt động của cái trống: Ngâm nghĩ, gọi => Đáp án b
- 3. Hai từ chỉ người có trong bài thơ: Mình, chúng em => Đáp án c
- 4. Các bạn học trò rất yêu quý cái trống trường vì trống gắn bó với các bạn, trống là vật sử dụng có ích trong nhà trường và là tài sản của nhà trường => Đáp án d

B. Kiểm tra viết:

II. Tập làm văn: Viết đoạn văn từ 3 đến 5 câu giới thiệu về trường em hoặc làng (xóm, bản, ấp, buôn, sóc, phố) của em.

Đoạn văn mẫu:

Ví dụ 1:

Cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 10km là làng Đông Ngạc thân yêu của em. Ngôi làng được xây dựng cách đây gần hai thế kỉ. Cổ kính nhất là đình làng Đông Ngạc hơn 500 năm tuổi, mái ngói rêu phong. Cột đình, văng, xà... bằng gỗ lim đồ sộ, nâu bóng, chạm trổ đủ hoa văn và linh vật, gọi lên không khí vô cùng tôn nghiêm và thiêng liêng. Em vô cùng sung sướng, tự hào mỗi khi nhắc đến Đông Ngạc, nơi chôn nhau cắt rốn muôn quý nghìn yêu.

Ví dụ 2:

Em sinh ra và lớn lên ở Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố lớn nhất nước, nơi có di tích Cảng Nhà Rồng mà Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Thành phố của em nhộn nhịp đông vui bốn mùa. Phố xá có đèn và cửa kính sáng loá, sang trọng. Thành phố có nhiều công viên đẹp như công viên Hoàng Văn Thụ, công viên Tao Đàn, công viên Gia Định... Nhà hàng, trường học, chung cư mọc lên như nấm để phục vụ cho đời sống của nhân dân. Em rất tự hào về thành phố giàu và đẹp của em.

Ví dụ 3:

Em sinh ra và lớn lên trên quê ngoại, đó là huyện Thạch Thành, Thanh Hóa, một vùng trung du đồi núi trập trùng. Thỉnh thoảng có một vài thung lũng nhỏ hẹp dưới các chân đồi, hình thành những cánh đồng nhỏ, xinh xinh. Dường như quanh năm, vụ nổi vụ, mùa nổi mùa, hết lúa khoai đến ngô sắn rau màu. Cứ thế, dải đất này luôn nhuộm mới những sắc màu của cuộc sống thanh bình đang từng ngày thay da đổi thịt. Em rất yêu và tự hào về mảnh đất quê hương mình.